

Biểu số 002.N/BCB-XD

Ban hành kèm theo Nghị định số
139/2026/NĐ-CP ngày

07/4/2026

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 31 tháng 3 năm kế tiếp sau
năm báo cáo

**TỔNG DIỆN TÍCH NHÀ
Ở THEO DỰ ÁN HOÀN
THÀNH TRONG NĂM**

Năm ...

Đơn vị báo cáo:

Bộ Xây dựng

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thống kê, Bộ Tài
chính

Đơn vị tính: m²

	Mã số	Tổng số	Căn hộ chung cư			Nhà ở riêng lẻ		
			Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:	
				Thành thị	Nông thôn		Thành thị	Nông thôn
A	B	(1) = (2)+(5)	(2) = (3)+(4)	(3)	(4)	(5) = (6)+(7)	(6)	(7)
Tổng số	01							
1. Chia theo vùng kinh tế - xã hội								
1.1. Vùng đồng bằng sông Hồng	02							
1.2. Vùng trung du và miền núi phía Bắc	...							
1.3. Vùng Bắc Trung Bộ								
1.4. Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên								
1.5. Vùng Đông Nam Bộ								
1.6. Vùng đồng bằng sông Cửu Long								
2. Chia theo tỉnh/thành phố								
<i>(Ghi theo Danh mục đơn vị hành chính Việt Nam)</i>								
2.1. Hà Nội								

2.2. ...								
----------	--	--	--	--	--	--	--	--

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 002.N/BCB-XD: Tổng diện tích nhà ở theo dự án hoàn thành trong năm

1. Khái niệm, phương pháp tính

Tổng diện tích nhà ở theo dự án hoàn thành trong năm là tổng diện tích sàn căn hộ, căn nhà đã hoàn thành xây dựng trong năm tại các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, gồm diện tích các căn hộ, căn nhà tại các dự án đầu tư xây dựng nhà ở hoàn thành xây dựng trong năm (bao gồm cả diện tích những căn hộ, căn nhà xây dựng lại sau khi phá dỡ nhà cũ đã hư hỏng).

Phương pháp tính:

- Đối với căn hộ chung cư:

Diện tích căn hộ chung cư được tính bằng tổng diện tích sử dụng cho mục đích để ở và sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân; không tính diện tích sử dụng chung (như: Cầu thang hành lang chung, nhà bếp và nhà vệ sinh sử dụng chung, phòng bảo vệ, phòng văn hóa,...).

- Đối với nhà ở riêng lẻ:

+ Diện tích nhà ở riêng lẻ được tính bằng diện tích sàn xây dựng sử dụng cho mục đích để ở và sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân bao gồm diện tích các phòng ngủ, phòng tiếp khách, phòng đọc sách, giải trí,... và diện tích hành lang, cầu thang, tiền sảnh ngôi nhà; không tính diện tích của những công trình độc lập khác không dùng cho mục đích để ở của hộ gia đình (như: Nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà kho,...);

+ Đối với nhà ở một tầng thì ghi tổng diện tích phần nền nhà tính cả phần tường (phần có trần, mái che) của ngôi nhà đó; trường hợp có tường, khung, cột chung thì chỉ tính 1/2 diện tích mặt bằng của tường, khung cột chung đó;

+ Đối với nhà ở nhiều tầng thì ghi tổng diện tích phần nền nhà tính cả phần tường (phần có trần, mái che) của các tầng; trường hợp có tường, khung, cột chung ở các tầng thì chỉ tính 1/2 diện tích mặt bằng của tường, khung cột chung đó;

+ Trường hợp nhà ở có gác xép đảm bảo chiều cao từ gác xép đến trần từ 2,1 m trở lên và diện tích tối thiểu 4m² thì phần gác xép này được tính vào tổng diện tích ở của căn nhà.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1, 2, 5: Ghi tổng diện tích nhà ở, căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ theo dự án hoàn thành trong năm báo cáo của toàn quốc, của từng tỉnh, thành phố, vùng kinh tế - xã hội tương ứng với các dòng của cột A.
- Cột 3, 4: Ghi tổng diện tích toàn bộ các căn hộ chung cư theo dự án hoàn thành trong năm báo cáo của toàn quốc, của từng tỉnh, thành phố, vùng kinh tế - xã hội tương ứng với các dòng của cột A.
- Cột 6, 7: Ghi tổng diện tích nhà ở riêng lẻ theo dự án hoàn thành trong năm báo cáo của toàn quốc, của từng tỉnh, thành phố, vùng kinh tế - xã hội tương ứng với các dòng của cột A.
- Thời điểm, thời kỳ số liệu: Từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.
- Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có).

3. Nguồn số liệu

Chế độ báo cáo thống kê của ngành Xây dựng.